TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Dũng

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2020/QĐST-HN ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Phương H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã L1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp X, xã H1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Phan Thị Phương H trình bày*: Chị và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2019 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì bán để chi phí trong gia đình. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Gia Hân, sinh ngày 31/7/2019, hiện chị đang nuôi. Tài sản chung và nợ chung không có.

Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh N không chăm lo gì cho gia đình, thu nhập của ai người đó tiêu xài, không quan tâm đến vợ con, chị có khuyên và nói chuyện với anh N nhiều lần để giữ vững hạnh phúc gia đình nhưng anh vẫn không thay đổi. Anh N bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ

chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân anh chị có gặp nhau nhưng không bàn bạc hàn gắn gia đình, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Văn N trình bày*: Anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; giao con cho chị H trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động; tài sản và nợ chung, chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Phan Thị Phương H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh N chung sống với nhau vào đầu năm 2019, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị H yêu cầu ly hôn, do anh N không chăm lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con và anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Xét thấy, anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ anh N không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian sống ly thân mặc dù anh có đến thăm nom con và có gặp mặt chị H nhưng anh không tìm cách bàn bạc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Trần Gia Hân, sinh ngày 31/7/2019, riêng anh N không ý kiến. Xét thấy, cháu Hân

còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, hơn nữa từ ngày anh chị sống ly thân cháu Hân sống chung với chị H đã ổn định được chị trông nom, chăm sóc phát triển tốt. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Hân cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Hân mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Do đó yêu cầu của chị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này anh N có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H và anh N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Phương H với anh Trần Văn N. Chị H được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Gia Hân, sinh ngày 31/7/2019. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu Hân đã thành niên và có khả năng lao động.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000156 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui